

Số: 497/2022/QĐST – HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2022/TLST–HNGĐ ngày 18/01/2022 về việc: “Ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoài L.

Bị đơn: Bà Lê Thị Quỳnh T.

Cùng địa chỉ: Số D Đường G, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58 và Điều 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Hoài L và bà Lê Thị Quỳnh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2013, quyền số: 01/2013 ngày 08/4/2013 của Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng hết hiệu lực kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con chung tên Trần Lê Khải N, sinh năm 2014 và Trần Lê Khải M, sinh năm 2018 cho bà Lê Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Hoài L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 trẻ. Các bên tự giao nhận vào ngày 05

ương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 05/3/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hoài L và bà Lê Thị Quỳnh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) ông Trần Hoài L chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0025716 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 13/01/2022. Ông L đã nộp đủ án phí, bà T không phải nộp án phí.

2.4. Về nghĩa vụ và quyền yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Trung Thực**